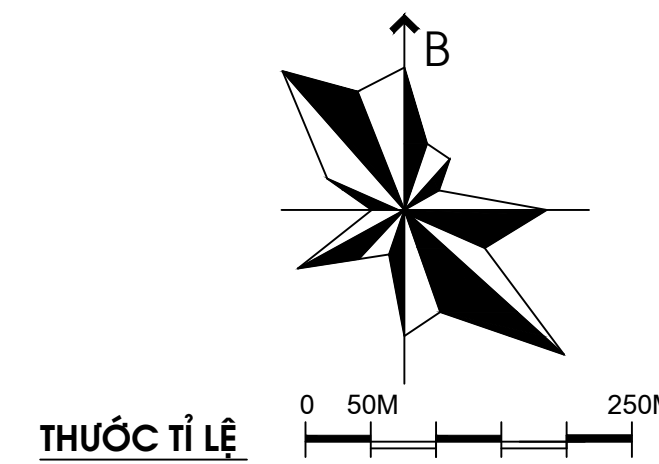


TỈNH NAM ĐỊNH - HUYỆN HẢI HẬU - XÃ HẢI ĐÔNG
ĐIỀU CHỈNH CỤC BỘ QUY HOẠCH CHUNG XÂY DỰNG XÃ HẢI ĐÔNG, HUYỆN HẢI HẬU ĐẾN NĂM 2030

BẢN ĐỒ QUY HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT - TỶ LỆ: 1/5000



GHI CHÚ

- TRỤ SỞ UBND XÃ
- NHÀ VĂN HÓA XÃ
- KHU CÔNG VIÊN CÂY XANH
- NHÀ VĂN HÓA ĐÔNG CHÂU
- TRƯỜNG MẦM NON KHU A
- NGHĨA TRANG LIỆT SỸ
- TRƯỜNG TRUNG HỌC CƠ SỞ
- SÂN THỂ THAO TRUNG TÂM XÃ
- TRAM Y TẾ XÃ
- NHÀ VĂN HÓA TRẦN PHÚ
- NHÀ THỜ GIOAKIN
- CHỢ XUÂN HÀ
- NHÀ VĂN HÓA XUÂN HÀ
- NHÀ THỜ THÁNH CẢ
- NHÀ VĂN HÓA NAM GIANG
- TRƯỜNG MẦM NON KHU B
- NHÀ THỜ THÁNH TÂM
- NHÀ THỜ GIÁO XỨ XUÂN HÀ
- NHÀ THỜ GIUSE
- NGHĨA TRANG XUÂN HÀ
- NHÀ VĂN HÓA TRUNG ĐÔNG
- CHÙA TRUNG ĐÔNG
- TRƯỜNG TIỂU HỌC HẢI ĐÔNG
- NHÀ THỜ TRUNG ĐÔNG (KITO VUA)
- TRƯỜNG MẦM NON KHU C
- NHÀ VĂN HÓA HẢI ĐIỂN
- NHÀ THỜ VINH SƠN HẢI ĐIỂN
- NGHĨA TRANG ĐÔNG CHÂU TRUNG ĐÔNG
- ĐIỂM XỬ LÝ CHẤT THẢI RẮN
- NGHĨA TRANG TÂY CÁT HẢI ĐIỂN
- NHÀ VĂN HÓA TÂY CÁT
- NHÀ THỜ TÂY CÁT
- NHÀ VĂN HÓA NAM CHÂU
- NHÀ THỜ NAM CHÂU
- BẾN XE

XÃ HẢI QUANG

XÃ HẢI LỘC

XÃ HẢI TÂY

XÃ HẢI LÝ

KÍ HIỆU:

- HIỆN TRẠNG (HT) - QUY HOẠCH (QH)
- | | | | |
|--|---|--|---------------------------------|
| | ĐẤT CÔNG ĐỒNG | | ĐẤT XÂY DỰNG CÁC CHỨC NĂNG KHÁC |
| | ĐẤT Ồ LĂNG XOM HIỆN CÓ VÀ XEN CÂY CÁC CHỨC NĂNG MỚI | | ĐẤT Ở MỚI |
| | ĐẤT CÔNG NGHIỆP | | ĐẤT QUỐC PHÒNG AN NINH |
| | ĐẤT DU LỊCH | | ĐẤT HẠ TẮNG KỸ THUẬT |
| | SÔNG HỒ, MẶT NƯỚC | | ĐẤT TÔN GIÁO, TÍN NGƯỠNG |
| | ĐẤT CÂY XANH-TĐTT | | ĐẤT NGHĨA TRANG, NGHĨA ĐỊA |
| | ĐẤT TRỒNG LƯA | | ĐẤT NÔNG NGHIỆP KHÁC |
| | ĐẤT NUÔI TRỒNG THỦY SẢN | | ĐẤT TRỒNG TRỌT KHÁC |
| | ĐẤT CHỨA SỬ DỤNG | | ĐẤT RỪNG PHÒNG HỒ |

CHÚ THÍCH:

- | | |
|--|----------------------------|
| | TỈNH LỘ |
| | HUYỆN LỘ |
| | ĐƯỜNG TRỤC XÃ |
| | ĐƯỜNG TRỤC THÔN |
| | ĐƯỜNG QUY HOẠCH KHÁC |
| | ĐƯỜNG NGÕ XOM CHÍNH |
| | ĐƯỜNG NỘI ĐỒNG |
| | CÁI |
| | HÀNH LANG AN TOÀN ĐƯỜNG BỘ |
| | RANH GIỚI QUY HOẠCH |

CƠ QUAN PHÊ DUYỆT:
ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ HẢI QUANG

CƠ QUAN THẨM ĐỊNH:
PHÒNG KINH TẾ XÃ HẢI QUANG

CƠ QUAN TỔ CHỨC LẬP QUY HOẠCH:
ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ HẢI QUANG

CÔNG TRÌNH - ĐỊA ĐIỂM:
TỈNH NAM ĐỊNH - HUYỆN HẢI HẬU - XÃ HẢI ĐÔNG
ĐIỀU CHỈNH CỤC BỘ QUY HOẠCH CHUNG XÂY DỰNG
XÃ HẢI ĐÔNG - HUYỆN HẢI HẬU ĐẾN NĂM 2030

TÊN BẢN VẼ:
BẢN ĐỒ QUY HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT

BẢN VẼ: QH-03	GHÉP: 1 A ₀	TỶ LỆ: 1/5000	NĂM 2026
---------------	------------------------	---------------	----------

THỂ HIỆN	LÊ KHẮC THÀNH
THIẾT KẾ	LÊ KHẮC THÀNH
CHỦ TRÌ	NGUYỄN HẢI NINH
TRƯỞNG THOS	ĐINH BẠT HẠNH
QUẢN LÝ KỸ THUẬT	ĐINH BẠT HẠNH
GIÁM ĐỐC	

TRƯỞNG VĂN HỮU

CƠ QUAN TƯ VẤN:
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ TƯ VẤN TÂY BẮC
ĐỊA CHỈ: TẦNG 4, TÒA NHÀ 87 WING THUA VŨ, P. PHƯƠNG LIỆT, TP. HÀ NỘI
SĐT: 0888.334.339

BẢNG TỔNG HỢP QUY HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT ĐẾN NĂM 2030

STT	Mục đích sử dụng đất	Ký hiệu	Theo Quyết định số 1219/QĐ-UBND ngày 04/10/2022 của UBND huyện Hải Hậu		Phương án điều chỉnh cục bộ quy hoạch		Tăng (+), giảm (-) so với quy hoạch được duyệt
			Quy hoạch đến năm 2030 (ha)	Cơ cấu (%)	Quy hoạch đến năm 2030 (ha)	Cơ cấu (%)	
TỔNG DIỆN TÍCH TỰ NHIÊN			896,06	100	896,06	100	
1	ĐẤT NÔNG NGHIỆP	NHP	621,28	69,3	619,96	69,19	-1,22
1.1	Đất trồng lúa	LUC	282,12		280,02		-2,10
1.2	Đất trồng cây khác	BHK+CLN	89,62		89,62		0,00
1.3	Đất rừng sản xuất	RSC					
1.4	Đất rừng phòng hộ	RPH	20,04		20,04		0,00
1.5	Đất rừng đặc dụng	RDD					
1.6	Đất nuôi trồng thủy sản	NST	210,41		210,41		0,00
1.7	Đất nuôi trồng thủy sản	LNU	30,06		30,06		0,00
1.8	Đất rừng ngập mặn	NPM	7,03		7,03		0,00
2	ĐẤT XÂY DỰNG	XD	229,07	25,6	230,39	25,74	1,32
2.1	Đất ở	DT	47,43		47,43		0,00
2.2	Đất công cộng	DCC	4,17		4,17		0,00
2.3	Đất xây dựng, mặt nước, mặt nước	DTT	0,28		0,28		0,00
2.4	Đất xây dựng, mặt nước, mặt nước	DTN	0,14		0,14		0,00
2.5	Đất công nghiệp, TT công nghiệp và làng nghề	SNK	0,37		0,37		0,00
2.6	Đất không sản xuất và sản xuất vật liệu xây dựng	BKS					
2.7	Đất xây dựng các chức năng khác	TMD	0,28		0,28		0,00
2.8	Đất hạ tầng kỹ thuật	DTT	69,71		69,71		0,00
2.8.1	Đất hạ tầng kỹ thuật	DTT	69,71		69,71		0,00
2.8.2	Đất hạ tầng kỹ thuật	DRA	0,13		0,13		0,00
2.8.3	Đất hạ tầng kỹ thuật, nghĩa địa	NTD	0,23		0,23		0,00
2.8.4	Đất hạ tầng kỹ thuật khác		0,01		0,01		0,00
2.9	Đất hạ tầng phục vụ sản xuất		99,24		99,24		0,00
2.10	Đất quốc phòng, an ninh	QPH+CAN	0,00		0,00		0,00
3	ĐẤT KHÁC	DK	46,70	5,10	46,70	5,10	0,00
3.1	Đất rừng núi, rừng đặc dụng, rừng và mặt nước chuyên dụng	MNC	12,24		12,24		0,00
3.2	Đất chưa sử dụng	CRD	33,46		33,46		0,00

CHÚ THÍCH:

- TRỤ SỞ ĐẢNG ỦY - HĐND - UBND XÃ
- TRAM Y TẾ
- DỊCH VỤ THƯƠNG MẠI
- CHỢ
- NHÀ VĂN HÓA
- TRƯỜNG MẦM NON
- TRƯỜNG TIỂU HỌC
- TRƯỜNG THCS
- ĐIỂM CHÙA
- NHÀ THỜ
- ĐIỂM XỬ LÝ CHẤT THẢI RẮN
- NGHĨA TRANG LIỆT SỸ
- TRUNG TÂM TĐTT XÃ